

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/DSST  
Ngày: 18/9/2025  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi;

2. Bà Phạm Thị Đẹp;

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Phan Thanh P, sinh năm 1972 (có mặt);

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Thanh P và bà Lê Thị M trình bày:*

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2021, ông P và bà M có cho anh Nguyễn Ngọc H mượn số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để giải quyết việc gia đình, việc cho mượn có lập hợp đồng. Hợp đồng do ông P viết, ông H ký tên vào hợp đồng,

còn chữ ký của bà H1 là do ông H ký thay. Không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng vay, nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/ tháng. Vốn gốc khi nào ông P, bà M cần lấy lại tiền thì báo trước 15 ngày. Tuy nhiên từ khoảng tháng 01 năm 2023 ông P có nhu cầu mua đất nên đã thông báo cho ông H về việc muốn lấy lại tiền vốn gốc, nhưng bị đơn hẹn sau tết âm lịch 2023 sẽ hoàn trả vốn. Ông P, bà M tin tưởng nên chờ đến sau tết âm lịch, qua Tết ông Hùng lại hứa hẹn mà không thực hiện việc trả nợ.

Từ khi cho vay đến nay ông H không trả số tiền gốc và lãi cho ông P, bà M.

Do đó, Ông Phan Thanh P và bà Lê Thị M yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H trả số tiền vốn vay là 300.000.000đ và lãi tính từ ngày 29/7/2021 đến khi xét xử với lãi suất 10%/năm. Tính tròn 04 năm, số tiền lãi là 120.000.000đ.

*Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.*

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trả cho ông Phan Thanh P và bà Lê Thị M số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và 120.000.000đ tiền lãi. Chi phí tố tụng và án phí giải quyết theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Phan Thanh P, bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H trả số tiền 300.000.000đ và lãi đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Nguyễn Ngọc H có địa chỉ tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 theo quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông H, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Phan Thanh P, bà Lê Thị M cho ông Nguyễn Ngọc H vay số tiền 3.300.000.000đ lãi suất không thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng có thỏa thuận

miệng, thời hạn vay là không xác định cụ thể, khi vay có lập Giấy hợp đồng vay mượn tiền, mục đích vay tiền là để sử dụng việc gia đình. Sau khi vay thì ông H chưa trả vốn và lãi cho theo như thỏa thuận.

Căn cứ kết luận giám định số 897/KL-KTHS ngày 31/07/2025 kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc H trên tài liệu cần giám định (Giấy biên nhận mượn tiền) so với chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc H trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và Kết luận giám định, xác định bị đơn ông H có vay của ông Phan Thanh P, bà Lê Thị M số tiền 300.000.000đ. Căn cứ khởi kiện nguyên đơn đưa ra là Giấy biên nhận mượn tiền ghi ngày 29/07/2021, giấy mượn tiền do ông P viết, ông H trực tiếp ký tên vào, nội dung giấy mượn tiền không ghi cụ thể về lãi suất và thời hạn trả, nhưng có thỏa thuận miệng về lãi suất. Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tổng đạt thông báo nội dung khởi kiện của ông P, bà M cho ông H. Ông H không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến về kết luận giám định số 897/KL-KTHS ngày 31/07/2025.

Do đó, xác định ông Nguyễn Ngọc H có vay 300.000.000đ của ông Phan Thanh P và bà Lê Thị M, giao dịch của hai bên là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H trả tiền vố vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: ông P và bà M yêu cầu tính lãi từ ngày 29/07/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện với lãi suất là 10%/ năm đối với số tiền 300.000.000đ. tính tròn 04 năm với số tiền lãi là 120.000.000đ

Xét thấy, theo nội dung Giấy mượn tiền thì không ghi lãi suất cụ thể, nhưng có thỏa thuận miệng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm từ lúc vay đến khi xét xử, tính tròn 04 năm với số tiền 120.000.000đ là phù hợp với qui định pháp luật pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Về án phí: ông Nguyễn Ngọc H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về chi phí giám định: ông Nguyễn Ngọc H phải chịu chi phí giám định.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Thanh P, bà Lê Thị M.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thanh P, bà Lê Thị M số tiền vô vay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và lãi 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng cộng vốn lãi là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí: ông Nguyễn Ngọc H phải nộp 20.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan Thanh P và bà Lê Thị M 10.400.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 30/9/2024 theo biên lai thu số 0013527 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về chi phí giám định: ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 9.700.000đ chi phí giám định. Số tiền này ông P đã nộp và đã chi xong nên ông H có nghĩa vụ trả lại cho ông P 9.700.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Phòng THA dân sự Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**

